

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **392** /2020/ HNGĐ-ST

Ngày 28/09/2020

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trình**

2. Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy** - Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Hạnh**-
Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 09 năm 2020 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2020/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 06 năm 2020 về tranh chấp “ xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 08 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐHPT ngày 01 tháng 09 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn B, xã SĐ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh Phạm Hải Đ, sinh năm 1975

Địa chỉ: Trại tạm giam T771, Cục điều tra hình sự, Bộ Quốc phòng

Thuộc thôn B, xã SĐ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

(*Chị N có mặt tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt lần thứ 2*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hoà giải của chị Nguyễn Thị Bích N trình bày: chị Nguyễn Thị Bích N kết hôn hợp pháp với anh Phạm Hải Đ trên cơ sở

tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SĐ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội ngày 28/02/2000 . Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một năm thì đến năm 2001 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và kéo dài căng thẳng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ bản tính nóng nảy, thường xuyên chơi bời rượu chè, đánh đập vợ con, vợ chồng khác biệt về tính cách và suy nghĩ nên thường bất đồng quan điểm, không chia sẻ, thông cảm được cho nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng sâu sắc. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, xin được ly hôn anh Đ.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hoà giải của anh Phạm Hải Đ trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị N về việc kết hôn. Về tình trạng hôn nhân theo anh Đ là không có mâu thuẫn trầm trọng như lời trình bày của chị N. Anh Đ cho rằng chị N đã tự ý bỏ nhà đi từ tháng 12 năm 2019, vợ chồng ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ thời gian đó. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh là do chị N không quan tâm đến gia đình, bỏ bê chồng con, mâu thuẫn với cả gia đình nhà chồng. Nay chị N xin ly hôn, anh không nhất trí và mong muốn được đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung : chị Nguyễn Thị Bích N và anh Phạm Hải Đ đều trình bày: có 02 con chung là: Phạm Tân A, sinh ngày 25/04/2001; Phạm Ngân H, sinh ngày 22/03/2007 . Hiện nay cháu Phạm Tân A đã trên 18 tuổi và không bị khuyết nhược về thể chất, tâm thần. Cháu H đang sống cùng chị N. Chị N, anh Đ đều có quan điểm: nhất trí thuận theo nguyện vọng của cháu H, giao cho chị N được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phạm Ngân H cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Phạm Hải Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, tài sản riêng, nợ chung: Chị N, anh Đ xác định vợ chồng không có.

Tại bản tự khai của cháu Phạm Ngân H trình bày: bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ, đây là sự tự nguyện của cháu.

Tại biên bản xác minh Ủy ban nhân dân xã SĐ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội và Lãnh đạo Trại Tạm giam T771, Cục điều tra hình sự, Bộ quốc phòng cho biết: Cuộc sống chung của chị N và anh Đ không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Anh Đ có trực tiếp phản ánh và báo cáo về tình hình gia đình với đơn vị, lãnh đạo đơn vị đã tổ chức gặp mặt, khuyên bảo, hòa giải chị N, anh Đ nhưng không có kết quả. Nguyên nhân là do chị N, anh Đ bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong cách suy nghĩ và cư xử, không thể hòa hợp. Chị N đã chuyển đi khỏi khu tập thể, ra ngoài sống từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Bích N vẫn giữ nguyên quan điểm, anh Phạm Hải Đ vắng mặt tại phiên tòa.

***Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Các Hội thẩm nhân dân đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự; Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích N đối với anh Phạm Hải Đ.

Áp dụng điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích N, cho chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn anh Phạm Hải Đ. Về con chung: cháu Phạm Tân A, sinh ngày 25/04/2001 hiện đã trên 18 tuổi và không bị khuyết nhược gì về thể chất, tâm thần nên không đề cập xem xét việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Giao cháu Phạm Ngân H, sinh ngày 22/03/2007 cho chị Nguyễn Thị Bích N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Phạm Hải Đ đến khi chị N có yêu cầu và anh Đ có điều kiện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung, công sức; Tài sản riêng, nợ chung: Không có nên không đề cập xem xét giải quyết. Về án phí: chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích N khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Hải Đ, nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Bằng Y, xã SĐ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, việc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2. Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích N và anh Phạm Hải Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị N và anh Đ về chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay. Mặc dù hai bên gia đình và đơn vị của anh Đ đã can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh Phạm Hải Đ. Anh Phạm Hải Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn chị N và mong muốn được đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên, anh không quan tâm, chia sẻ và không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, trong suốt quá trình chị N và anh Đ sống ly thân, anh Đ không chủ động liên lạc, hòa giải mâu thuẫn với chị N, không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ

đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cho chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn anh Phạm Hải Đ.

3. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Phạm Hải Đ có hai con chung là Phạm Tân A, sinh ngày 25/04/2001; Phạm Ngân H, sinh ngày 22/03/2007. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Ngân H đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Phạm Hải Đ nhất trí quan điểm của chị N, tự nguyện giao cháu Phạm Ngân H cho chị N nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi và xin tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị N và sự tự nguyện của anh Đ là có căn cứ, chị N đã và đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Ngân H. Chị N có công việc và thu nhập ổn định, có thể đảm bảo các điều kiện về vật chất, thời gian và chỗ ở cho cháu H phát triển bình thường. Bản thân cháu Phạm Ngân H có nguyện vọng xin được sống cùng chị N. Cháu Phạm Tân A hiện đã trên 18 tuổi và không bị khuyết nhược gì về thể chất, tâm thần nên việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không đặt ra; Nên cần thiết chấp nhận yêu cầu của chị N và sự tự nguyện của anh Đ về vấn đề con chung: Giao cháu Phạm Ngân H, sinh ngày 22/03/2007 cho chị Nguyễn Thị Bích N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Phạm Hải Đ đến khi chị N có yêu cầu và anh Đ có điều kiện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là hợp lý, đúng quy định của pháp luật. Anh Phạm Hải Đ được quyền qua lại, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản chung, công sức, tài sản riêng, công nợ: không có nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 69, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 227, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích N.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn anh Phạm Hải Đ.

- Về con chung: có 02 con chung là: Phạm Tân A, sinh ngày 25/04/2001; Phạm Ngân H, sinh ngày 22/03/2007. Cháu Phạm Tân A hiện đã trên 18 tuổi và không bị khuyết nhược gì về thể chất, tâm thần nên không đề cập đến nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Giao cháu Phạm Ngân H cho chị Nguyễn Thị Bích N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Phạm Hải Đ đến khi chị N có đơn yêu cầu và anh Đ có điều kiện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Anh Phạm Hải Đ được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, công sức, tài sản riêng, công nợ: không có

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00112 ngày 22/06/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì nay được khấu trừ vào số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị N phải nộp.

- **Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 228, điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Án hôn nhân gia đình sơ thẩm xét xử công khai, chị Nguyễn Thị Bích N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Hải Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND huyện Ba Vì
- Chi cục THADS huyện Ba Vì
- Ủy ban nhân dân xã SĐ
- Các đương sự
- Lưu VP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Thị Thu Hương

